TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHI LĂNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HS-ST
Ngày 10-3-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trương Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Nguyên.

Ông Hoàng Quang Vinh.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Minh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà***: Bà Hoàng Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số: 75/2019/TLST-HS, ngày 26 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2019/QĐXXST-HS, ngày 31 tháng 12 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2020/HSST-QĐ, ngày 14 tháng 01 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/HSST-QĐ, ngày 13 tháng 02 năm 2020 và thông báo thay đổi thời gian xét xử số 182/TB-TA, ngày 25 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Hoàng Thị T, sinh ngày 30 tháng 7 năm 1970 tại huyện B, tỉnh Lào Cai; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn K, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Mậu C; con bà: Vũ Thị B; chồng: Chu Văn C; con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị Tòa án nào xử phạt; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Công an huyện Chi Lăng từ ngày 11/10/2019 đến ngày 09/12/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho Bảo lĩnh; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1978; trú tại thôn T, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

2. Anh Hoàng Trung T, sinh năm 1993; trú tại thôn Đ, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Anh Nông Đức L, sinh năm 1995; trú tại thôn Đ, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

4. Bà Vy Thị H, sinh năm 1969; trú tại: Thôn C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:* Ông Dương Mạnh Tùng - Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện Chi Lăng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ ngày 10/10/2019 tại nhà nghỉ trọ V thuộc thôn C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Công an huyện Chi Lăng tiến hành kiểm tra, phát hiện bắt quả tang: Tại phòng nghỉ số 08 có Nông Đức L và Nguyễn Thị M đang thực hiện hành vi mua bán dâm và thu giữ vật chứng gồm:

Trong phòng số 07: Số tiền 21.671.000 đồng (hai mươi mốt triệu sáu trăm bảy mươi mốt nghìn đồng); 04 điện thoại di động các loại đã qua sử dụng gồm: 01 chiếc nhãn hiệu Oppo màu xanh đen; 01 chiếc nhãn hiệu Nokia màu đen; 01 chiếc nhãn hiệu Itel màu trắng; 01 chiếc nhãn hiệu Oppo F11 màu xanh, đã qua sử dụng; 08 bao cao su chưa qua sử dụng.

Trong phòng số 08: Số tiền 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng); 02 (hai) bao cao su đã qua sử dụng; 01 (một) bao cao su chưa qua sử dụng; 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu vàng, đã qua sử dụng.

Tại bản Kết luận giám định số: 332/KLGĐ-PC09, ngày 11/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Toàn bộ số tiền thu giữ tổng cộng 22.121.000 đồng (hai mươi hai triệu một trăm hai mươi mốt nghìn đồng) gửi giám định đều là tiền Việt Nam thật.

Kết quả điều tra xác định được như sau: Khoảng tháng 7/2019 Hoàng Thị T đến thuê phòng số 07 nhà nghỉ trọ V của chị là Vy Thị H. Ngày 08/10/2019 Nguyễn Thị M thông qua một người tên L1 (không rõ họ, tuổi) ở xã M, huyện T, tỉnh Hải Phòng cho số điện thoại của Hoàng Thị T, Nguyễn Thị M gọi điện thoại cho Hoàng Thị T xin địa chỉ phòng trọ của Hoàng Thị T rồi đến ở cùng Hoàng Thị T từ ngày 08/10/2019. Từ chiều ngày 08/10/2019, Hoàng Thị T và Nguyễn Thị M thống nhất làm gái bán dâm mỗi lần 200.000 đồng, Hoàng Thị T là người trực tiếp thỏa thuận giá cả với khách, Nguyễn Thị M là người trực tiếp bán dâm,

sau mỗi lần bán dâm Nguyễn Thị M sẽ được chia 100.000 đồng, Hoàng Thị T được 100.000 đồng, Nguyễn Thị M đồng ý.

Tối ngày 08/10/2019, Hoàng Thị T môi giới 02 (hai) khách mua dâm cho Nguyễn Thị M thực hiện bán dâm tại phòng nghỉ trọ V. T trực tiếp nhận số tiền 400.000 đồng từ khách mua dâm.

Ngày 09/10/2019, Hoàng Thị T môi giới 03 (ba) khách mua dâm cho Nguyễn Thị M thực hiện bán dâm tại phòng nghỉ trọ V. Hoàng Thị T trực tiếp nhận số tiền 600.000 đồng từ khách mua dâm. Đến trưa ngày 10/10/2019 Hoàng Thị T đưa cho Nguyễn Thị M số tiền 500.000 đồng là tiền công Nguyễn Thị M tiếp 05 (năm) lượt khách, còn 500.000 đồng Hoàng Thị T giữ lại là tiền môi giới.

Đến khoảng 14 giờ ngày 10/10/2019, khi Hoàng Thị T và Nguyễn Thị M đang ở phòng trọ số 07 thì Nông Đức L và Hoàng Trung T đến hỏi "còn nhân viên không", Hoàng Thị T trả lời "còn một đứa" đồng thời hất hàm về phía Nguyễn Thị M, T hỏi Hoàng Thị T "bao nhiêu tiền", Hoàng Thị T vừa giơ hai ngón tay lên vừa trả lời "hai trăm", hiểu là hai trăm nghìn đồng một lần mua bán dâm, Hoàng Trung T và Nông Đức L đồng ý. Sau khi thỏa thuận xong, Hoàng Thị T bảo Nguyễn Thị M "dậy đi khách", Nguyễn Thị M đi sang phòng nghỉ trọ số 08 (là phòng trống của nhà nghỉ trọ không khóa cửa) rồi đợi khách. Hoàng Trung T đi sang phòng số 08 mua dâm với Nguyễn Thị M và đưa cho Nguyễn Thị M số tiền 200.000 đồng. Khoảng 15 phút sau khi mua dâm xong, Hoàng Trung T sang phòng số 07 ngồi đợi và nói chuyện với Hoàng Thị T. Nông Đức L sang phòng số 08 mua dâm với Nguyễn Thị M, Nông Đức L đưa cho Nguyễn Thị M 250.000 đồng (200.000 đồng tiền mua dâm và 50.000 đồng tiền cho thêm), khi Nông Đức L và Nguyễn Thị M đang quan hệ tình dục thì bị Công an huyện Chi Lăng bắt quả tang.

Cáo trạng số: 04/CT-VKSCL ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Hoàng Thị T về tội Môi giới mại dâm theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Thị T đã khai nhận rõ về hành vi như sau: Do quen biết từ việc cùng làm gái bán dâm ở nhiều địa bàn khác nhau nên từ ngày 08/10/2019 đến ngày 10/10/2019, Nguyễn Thị M gọi điện cho bị cáo rồi đến phòng trọ V ở cùng bị cáo và làm gái mại dâm. Trong các ngày 08/10/2019 và ngày 09/10/2019 bị cáo và Nguyễn Thị M đã bán dâm cho một số đối tượng nhưng không nhớ cụ thể là ai, khi có khách đến mua dâm thì bị cáo và Nguyễn Thị M cùng nhau bán dâm, mỗi lần bán dâm được từ 150.000 đồng đến 200.000

đồng. Việc Nguyễn Thị M bán dâm là tự nguyện, người mua dâm tự đến, bị cáo không lôi kéo, dụ dỗ gì họ. Chiều ngày 10/10/2019, bị cáo và Nguyễn Thị M đang ở cùng phòng trọ số 07, khi đó bị cáo ngồi ở giường phía ngoài cửa ra vào, Nguyễn Thị M nằm trên giường phía trong thì có 02 thanh niên là Nông Đức L và Hoàng Trung T đến hỏi mua dâm. Bị cáo gạ mỗi người mua dâm một người nhưng Nông Đức L và Hoàng Trung T không đồng ý nên bị cáo bảo Nguyễn Thị M có đi khách không. Nguyễn Thị M đồng ý rồi đi sang phòng số 8 để bán dâm lần lượt cho Hoàng Trung T và Nông Đức L. Lượt đầu là Hoàng Trung T, sau đó đến Nông Đức L và Nguyễn Thị M nhận tiền trực tiếp từ 02 thanh niên mua dâm. Sau đó bị Công an bắt quả tang. Bị cáo nhận thức việc mua, bán dâm là sai nhưng do hoàn cảnh nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thay đổi lời khai là do thiếu hiểu biết pháp luật. Đối với những tài sản đã bị thu giữ, bị cáo yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Hoàng Trung T và anh Nông Đức L khai nhận như sau: Chiều ngày 10/10/2019 Hoàng Trung T và Nông Đức L do nghe nói tại phòng số 7 khu nhà trọ V, thuộc thôn C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn có dịch vụ gái mại dâm nên đã đến liên hệ mua dâm. Khi đến phòng trọ số 7, Hoàng Trung T là người trực tiếp đặt vấn đề với bị cáo Hoàng Thị T, sau đó bị cáo Hoàng Thị T có gọi Nguyễn Thị M đang nằm trong giường phía trong dậy đi khách. Hoàng Trung T và Nông Đức L lần lượt thực hiện hành vi mua dâm với Nguyễn Thị M và trực tiếp trả tiền cho Nguyễn Thị M. T vào trước, sau đó L vào sau. Khi Nông Đức L và Nguyễn Thị M đang thực hiện hành vi mua dâm thì bị lực lượng Công an bắt quả tang.

Tại phiên toà, Điều tra viên đã trình bày về quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm khi tiến hành hoạt động khởi tố, điều tra vụ án hình sự đã thực hiện đúng quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có chứng cứ gì để chứng minh về việc bị ép buộc trong quá trình hỏi cung bị can và trong quá trình điều tra bị cáo cũng không có khiếu nại, tố cáo gì đối với những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng. Đối với quá trình điều tra vụ án, cơ quan điều tra đã thu giữ và kiểm tra nội dung thư tín trong điện thoại thu giữ của các đối tượng tuy nhiên không xác minh được nội dung liên quan đến việc mua bán dâm. Quá trình điều tra, các ngày 08 vào 09/10/2019 cũng không xác định được các đối tượng mua dâm là ai mà chỉ dựa trên cơ sở duy nhất là lời khai của đối tượng Nguyễn Thị M.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên nội dung Cáo trạng truy tố và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đồng thời đánh giá

tính chất, động cơ, mục đích, tác hại của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, đánh giá về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng áp dụng đối với bị cáo tuy nhiên xét việc Nguyễn Thị M bán dâm trong ngày 08 và 09/10/2019 không xác định được người mua dâm nên không xác định được hành vi môi giới mại dâm của Hoàng Thị T do đó không có căn cứ để xác định bị cáo Hoàng Thị T môi giới mại dâm nhiều lần. Áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo, Kiểm sát viên rút một phần quyết định truy tố đối với bị cáo Hoàng Thị T, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị T phạm tội Môi giới mại dâm.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 50, 65 của Bộ luật Hình sự 2015, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; xử phạt bị cáo Hoàng Thị T 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Hoàng Thị T.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015: Tịch thu, tiêu hủy 09 bao cao su chưa qua sử dụng; 02 bao cao su đã qua sử dụng. Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 950.000 đồng thu giữ của Nguyễn Thị M vì có nguồn gốc từ việc bán dâm. Trả lại cho Hoàng Thị T số tiền 1.137.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh đen, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động OPPO F11 màu xanh. Trả lại cho Nguyễn Thị M số tiền 20.034.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel màu trắng, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu vàng do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Bị cáo Hoàng Thị T, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Hoàng Trung T, anh Nông Đức L không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án này đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai rõ toàn bộ hành vi phạm tội tuy nhiên quá trình khai báo các lời khai đôi lúc không thống nhất như tại cơ quan Điều tra, không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhưng sau đó bị cáo đã khai báo cụ thể hành vi của mình như sau: Khoảng 14 giờ ngày 10/10/2019, Hoàng Thị T thực hiện hành vi môi giới cho Nguyễn Thị M bán dâm cho Hoàng Trung T và Nông Đức L tại phòng trọ số 08 của nhà nghỉ trọ V ở thôn C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn với giá 200.000 đồng một lượt mua bán dâm. Đối với hành vi mua, bán dâm của Nguyễn Thị M vào ngày 08 và 09/10/2019, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà xác định chỉ có lời khai của M và bị cáo, không xác định được người mua dâm, thời gian mua dâm và có vai trò môi giới mại dâm của bị cáo không. Tại phiên tòa, áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo, đại diện Viện kiểm sát rút một phần quyết định truy tố đề nghị xét xử bị cáo về tội Môi giới mại dâm tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 328 Bộ luật Hình sự 2015 là có căn cứ.

[3] Hành vi của bị cáo Hoàng Thị T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an ở địa phương, ảnh hưởng đến giá trị đạo đức xã hội, cũng như ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình, là nguồn gốc phát sinh, lây nhiễm nhiều căn bệnh xã hội. Bị cáo Hoàng Thị T là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được môi giới mại dâm là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích hám lợi nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, do đó cần phải xét xử nghiêm minh để đảm bảo tính răn đe của pháp luật.

[4] Để cá thể hoá hình phạt, ngoài việc xem xét tính chất, hành vi phạm tội nêu trên thì còn phải xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ để quyết định hình phạt. Về nhân thân: Bị cáo Hoàng Thị T là người có nhân nhân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[5] Từ những phân tích trên, xét thấy bị cáo Hoàng Thị T có hoàn cảnh đặc biệt về cuộc sống vợ chồng nên đã bước vào con đường bán dâm. Trong việc môi giới mại dâm, bị cáo không có mục đích dụ dỗ, lôi kéo chị Nguyễn Thị M đến bán dâm mà do chị M chủ động liên lạc đến ở với T để cùng nhau bán dâm. Tuy nhiên, do T hành nghề bán dâm quen trên địa bàn nên T và M thỏa thuận nếu M bán dâm được sẽ chia tiền cho T. Mặt khác, vào ngày 10/10/2019, hai người mua dâm đến thỏa thuận mua dâm vẫn có M ở đó và trực tiếp nhận tiền từ người mua dâm, T chưa được hưởng lợi từ hành vi này. Bị cáo là người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình

sự, không có tình tiết tăng nặng. bị cáo phạm tội Môi giới mại dâm quy định tại khoản 1 Điều 328 của Bộ luật Hình sự có khung hình phạt cao nhất không quá 03 năm tù; ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân nơi cư trú; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám sát, giáo dục; hoàn cảnh gia đình khó khăn…; có khả năng tự cải tạo; việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến anh ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Điều 2 Nghị quyết số: 02/2018/NQ- HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

[6] Hình phạt bổ sung: Bị cáo Hoàng Thị T không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng điều này phù hợp với biên bản xác minh của cơ quan điều tra do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là có căn cứ.

[7] Đối với Nguyễn Thị M có hành vi bán dâm nên ngày 09/12/2019 Công an huyện Chi Lăng ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền; anh Hoàng Trung T, Nông Đức L có hành vi mua dâm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Chi Lăng lập hồ sơ chuyển cho Ủy ban nhân dân xã Quang Lang, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn để xử lý vi phạm hành chính theo quy định là có căn cứ.

[8] Đối với người tên L1 đã cho M số điện thoại của T, do không có thông tin cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Chi Lăng không thể tiến hành xác minh là có căn cứ.

[9] Đối với Vy Thị H là chủ nhà trọ V ở thôn C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, không biết việc T sử dụng phòng thuê trọ để hoạt động mua bán mại dâm, do đó không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự. Việc H không nắm được và không khai báo tạm trú khi M đến phòng trọ ở cùng T, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Chi Lăng tách ra, chuyển cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn để xử lý theo quy định.

[10] Về vật chứng: Đối với 09 bao cao su chưa qua sử dụng; 02 bao cao su đã qua sử dụng do không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy. Đối với số tiền 950.000 đồng thu giữ tại phòng trọ số 08 trong đó có 450.000 đồng là tiền anh Hoàng Trung T, Nông Đức L trả cho chị Nguyễn Thị M sau khi mua dâm ngày 10/10/2019; 500.000 đồng là tiền Nguyễn Thị M có được do thực hiện bán dâm các ngày trước đó có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Đối với số tiền 20.034.000 đồng thu giữ của

Nguyễn Thị M; 1.137.000 đồng thu giữ của Hoàng Thị T qua xác minh không chứng minh được số tiền đó có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Hoàng Thị T và 05 điện thoại di động các loại thu giữ của bị cáo Hoàng Thị T và Nguyễn Thị M không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho chủ sở hữu. Đối với số tiền 500.000 đồng bị cáo Hoàng Thị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng vì cho rằng đó là tiền thu lợi bất chính từ hoạt động môi giới mại dâm tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa không chứng minh được số tiền đó có liên quan đến hành vi mua bán dâm của bị cáo Hoàng Thị T nên cần trả lại cho bị cáo.

[11] Về án phí: Do bị cáo Hoàng Thị T bị kết án nên phải chịu án phí hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 47, 50, 65 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị T phạm tội Môi giới mại dâm.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Hoàng Thị T 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 10/3/2020. Giao bị cáo Hoàng Thị T cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Hoàng Thị T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Xử lý vật chứng:

Tịch thu, tiêu hủy 09 (chín) bao cao su chưa qua sử dụng; 02 (hai) bao cao su đã qua sử dụng;

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 950.000 đồng (chín trăm năm mươi nghìn đồng) thu giữ của Nguyễn Thị M.

Trả lại cho Nguyễn Thị M số tiền 20.034.000 đồng (hai mươi triệu không trăm ba mươi tư nghìn đồng) và 02 điện thoại di động các loại đã qua sử dụng (01 chiếc nhãn hiệu Itel màu trắng và 01 chiếc nhãn hiệu Oppo màu vàng).

Trả lại cho bị cáo Hoàng Thị T số tiền 1.137.000 đồng (một triệu không trăm ba mươi bảy nghìn đồng) và 03 (ba) điện thoại di động các loại đã qua sử dụng (01 chiếc nhãn hiệu Oppo màu xanh đen; 01 chiếc nhãn hiệu Nokia màu đen; 01 chiếc nhãn hiệu OPPO F11 màu xanh).

(theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Công an huyện Chi Lăng và Chi cục thi hành án dân sự huyện Chi Lăng ngày 03/01/2020).

Trả lại bị cáo Hoàng Thị T số tiền 500.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2015/0003962 ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng.

4. Về án phí: Bị cáo Hoàng Thị T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm hình sự để nộp ngân sách nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Hoàng Thị T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nông Đức L, anh Hoàng Trung T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Nguyễn Thị M, bà Vy Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Chi Lăng;
- Cơ quan CSĐT Công an H.Chi Lăng;
- Cơ quan THAHS Công an H.Chi Lăng;
- Chi cục thi hành án H.Chi Lăng;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Hương Giang